

Bản án số: **84/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 30-06-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Huệ**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thu**

Ông Lữ Quốc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Văn Thiêm** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 30/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2022 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Lệ T**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông **Trần Minh T1**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(bà T, ông T1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2019, bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày: Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau, bà và ông Trần Minh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 1998.

Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên hay cãi nhau, ông T1 thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm bà nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. bà và ông T1 không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Trần Minh T1 .

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thiên B, sinh năm 1998 và Trần Nguyên Quỳnh G, sinh năm 1999. Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xin rút đơn yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc, bị đơn ông Trần Minh T1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà Trần Thị Lệ T về điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông bà không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Lệ T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Trần Thiên B, sinh năm 1998 và Trần Nguyên Quỳnh G, sinh năm 1999. Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung: Ông T1 xin rút đơn phản tố yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Lệ T, ông Trần Minh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó tiến hành xét xử vắng mặt ông T1, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Lệ T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Trần Minh T1, do đó xác định bà T là nguyên đơn, ông T1 là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Lệ T và ông Trần Minh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Xét yêu cầu của đương sự nhận thấy: Cả bà T, ông T1 đều thừa nhận cuộc sống của vợ chồng không hạnh phúc, hay cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng Ông bà không sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Hiện nay ông bà không còn tình cảm với nhau. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung: bà T, ông T1 có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có nên không giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị Lệ T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 5, 6, 7, 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Lệ T ly hôn ông Trần Minh T1
2. Về con chung: Các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết
3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng của bà Trần Thị Lệ T, ông Trần Minh T1.
4. Về nợ chung: Không giải quyết
5. Về án phí: bà Trần Thị Lệ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003021 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.840.000 đồng (*ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 007460 ngày 24/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Hoàn trả cho ông Trần Minh T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.560.000 đồng (*mười triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003300 ngày 04/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ